

Số: 489/2025/QĐST-HNGĐ

Bình Thạnh, ngày 23 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 0487/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Trần Quốc D, sinh năm 1989

Địa chỉ: 1 N, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Lê Thị H, sinh năm 1991

Địa chỉ: E tổ B, ấp L, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Năm 2024, ông Trần Quốc D và bà Lê Thị H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 03/4/2021. Sau khi kết hôn, ông D và bà H chung sống hạnh phúc một thời gian. Sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính tình thay đổi, quan điểm sống khác nhau. Cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng không kết quả. Nay ông bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông bà thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống ông Trần Quốc D và bà Lê Thị H có 01 con chung tên Trần Khuyên K, sinh ngày 17/5/2024. Hai bên thỏa thuận giao trẻ Trần Nguyên K1 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không yêu cầu chi phí cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Nợ chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Quốc D và bà Lê Thị H phải chịu.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Trần Quốc D và bà Lê Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Trần Quốc D và bà Lê Thị H thỏa thuận giao trẻ Trần Nguyên K1, sinh ngày 17/5/2024 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không yêu cầu chi phí cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Quốc D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí Tòa án: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng người yêu cầu ông Trần Quốc D và bà Lê Thị H phải chịu, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0054401 ngày 05/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Người yêu cầu đã nộp đủ lệ phí.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Bình Thạnh;
- VKSND Tp.HCM;
- Chi cục THADS quận Bình Thạnh;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Ái Long